

Bản án số: 15/2022/KDTM-ST
Ngày 16 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Sơn
2. Ông Lưu Bình Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX; địa chỉ: x Ngô Quyền, phường xx, quận xx, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đ T Đ và bà N T P K; địa chỉ: Lầu x, số x Lê Văn Sỹ, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 3172/UQ-PVB ngày 24/5/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN; địa chỉ: x Nguyễn Văn Quá, phường xxx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông N T T; địa chỉ: x Nơ Trang Long, Phường x, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2021, bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà N T P K trình bày:

Ngày 27/7/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX (gọi tắt là Ngân hàng XXXX) và Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN (gọi tắt là Công ty TTVN) có ký kết 02 Hợp đồng tín dụng số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC; theo đó, Ngân hàng XXXX cho Công ty TTVN vay số tiền tổng cộng là 1.152.000.000 đồng, theo mức lãi suất trong năm đầu là 8,49%/ năm, điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, Công ty TTVN đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của công ty gồm:

- Xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara VL, 5 chỗ, màu trắng, mới 100%, biển số 51D-157.73, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 290671 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2017, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 940/2017/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/7/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara E, 5 chỗ, màu trắng, mới 100%, biển số 51D-156.22, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 290668 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2017, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 942/2017/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/7/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TTVN đã không thanh toán nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng. Ngân hàng XXXX đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện nhưng Công ty TTVN không có thiện chí phối hợp giải quyết, trốn tránh trả nợ.

Từ những lý do trên, Ngân hàng XXXX đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty TTVN thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng XXXX số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2022 là 1.428.928.578 đồng. (bao gồm: Nợ gốc là 884.764.022 đồng; lãi trong hạn là 327.118 đồng, lãi quá hạn là 252.700.578 đồng; tiền lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả là 235.047.888 đồng, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi chưa trả là 56.088.972 đồng). Cụ thể như sau:

- + Nợ của Hợp đồng số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC:

- . Nợ gốc: 507.104.000 đồng

- . Nợ lãi trong hạn: 185.442 đồng.

- . Nợ lãi quá hạn: 145.497.903 đồng.

- . Nợ lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả (phí phạt gốc): 137.266.900 đồng.

- . Nợ lãi chậm trả trên nợ lãi chưa trả (phí phạt lãi): 32.628.569 đồng.

Tổng cộng là 822.682.814 đồng.

- + Nợ của Hợp đồng số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC

- . Nợ gốc: 377.660.022 đồng
 - . Nợ lãi trong hạn: 141.676 đồng.
 - . Nợ lãi quá hạn: 107.202.675 đồng.
 - . Nợ lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả (phí phạt gốc): 97.780.988 đồng.
 - . Nợ lãi chậm trả trên nợ lãi chưa trả (phí phạt lãi): 23.460.403 đồng.
- Tổng cộng là 606.245.764 đồng.

- Buộc Công ty TTVN tiếp tục trả lãi, lãi chậm trả phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt số nợ gốc cho Ngân hàng XXXX.

- Trong trường hợp Công ty TTVN không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng XXXX có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp đảm bảo mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng XXXX thì Công ty TTVN phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả dứt nợ.

Đối với các tài sản thế chấp thì Ngân hàng XXXX đang lưu giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe; riêng hai chiếc xe thì do Công ty TTVN chịu trách nhiệm bảo quản, sử dụng nên Ngân hàng XXXX không biết hai chiếc xe trên hiện nay đang ở đâu.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn do ông N T T đại diện theo pháp luật vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết và không có ủy quyền cho người đại diện khác tham gia giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án còn một số khuyết điểm như: Văn phòng thụ lý đơn chậm duyệt đơn và chậm ban hành thông báo nộp tạm ứng án phí cho đương sự; việc cấp, tổng đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự còn chưa đúng quy định của pháp luật do chậm tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Tòa án chậm đưa

vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự; thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 1.428.928.578 đồng; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara VL, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-157.73) và xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara E, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-156.22).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ 02 Hợp đồng tín dụng số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 và các Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng XXXX với Công ty TTVN; theo đó, Công ty TTVN đã vay vốn của Ngân hàng XXXX để mua ô tô phục vụ đi lại (hoạt động kinh doanh); các bên ký kết và thực hiện hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận. Do Công ty TTVN không trả được nợ nên Ngân hàng XXXX thực hiện quyền khởi kiện để thu hồi nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty TTVN có địa chỉ trụ sở doanh nghiệp tại số x Nguyễn Văn Quá, phường xxx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; nguyên đơn có trụ sở tại số x Ngô Quyền, phường xx, quận xx, Thành phố Hà Nội và địa chỉ chi nhánh tại số 363 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại điểm 9.2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn (nơi được nêu trong hợp đồng là tại số 363 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Thỏa thuận giữa các bên là không đúng quy định của pháp luật vì trụ sở của nguyên đơn là tại số x Ngô Quyền, phường xx, quận xx, Thành phố Hà Nội mà không phải là địa chỉ của chi nhánh như đã được giải thích trong hợp đồng; do đó, thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết được nêu trong hợp đồng không thể được áp dụng; tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết và thực hiện tại số 363 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên nguyên đơn được quyền lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải

quyết. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng:

Các Hợp đồng cho vay số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 được ký kết giữa hai bên có xác định mục đích vay là để mua ô tô phục vụ đi lại của bị đơn là doanh nghiệp, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và do các bên đều là chủ thể của quan hệ kinh doanh, thương mại; quan hệ tranh chấp giữa hai bên được xác định lại là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là tổ chức, doanh nghiệp không còn hoạt động kinh doanh nhưng chưa đăng ký giải thể, không đăng ký tạm ngừng hoạt động (theo Công văn số 1541/ĐKKD-T6 ngày 30/3/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh); do đó, các văn bản tố tụng của Tòa án được tổng đạt, niêm yết cho bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại trụ sở của bị đơn theo quy định tại Điều 178 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài việc tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ trụ sở của bị đơn theo quy định của pháp luật, để đảm bảo vụ việc được giải quyết công khai, đảm bảo quyền lợi của bị đơn, Tòa án đã tổng đạt cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông N T T tại địa chỉ cư trú của ông Thanh.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho bị đơn - Công ty TTVN và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông N T T. Tại ngày mở phiên tòa 26/7/2022, đương sự vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 16/8/2022 đương sự vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn, vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông N T T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về việc xem xét các chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bao gồm:

- Bản sao Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN.
- Hợp đồng cho vay số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017.
- Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 940/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC ngày

27/7/2017 và số 942/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017.

- Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm.
- Các khế ước nhận nợ.
- Giấy ủy quyền số 3172/UQ-PVB ngày 24/5/2021.
- Công văn chuyển nợ quá hạn ngày 24/6/2019.
- Kết quả xác minh của Công an phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức ngày 08/3/2022.
- Bảng kê tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ bao gồm:

- Công văn số 1541/ĐKKD-T6 ngày 30/3/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phiếu kết quả cung cấp thông tin ngày 10/6/2022 của Công an Phường 13, quận Bình Thạnh.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại các lần tiến hành phiên họp và phiên hòa giải, các bên đương sự không có ý kiến phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp nên được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

5.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Xét Hợp đồng cho vay số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 và các khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng XXXX và Công ty TTVN, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Ngân hàng XXXX và Công ty TTVN có giao dịch hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TTVN vay để mua ô tô đi lại phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty TTVN, số tiền tổng cộng là 1.152.000.000 đồng, theo mức lãi suất trong năm đầu là 8,49%/ năm, điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 27/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn nên Ngân hàng XXXX khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/8/2022 là 1.428.928.578 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này*.”.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng cho vay số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 và các khế ước nhận nợ ký kết giữa Ngân hàng XXXX và Công ty TTVN được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (sau đây gọi là Quyết định 1627); Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước nên có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng XXXX đã giải ngân đầy đủ số tiền vay gốc cho Công ty TTVN. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TTVN đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng.

Việc tính lãi của Ngân hàng XXXX phù hợp với quy định của pháp luật và quy định tại Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Ngân hàng XXXX khởi kiện yêu cầu Công ty TTVN thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Công ty TTVN phải thanh toán cho Ngân hàng XXXX nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/8/2022, cụ thể như sau:

+ Nợ của Hợp đồng số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC:

. Nợ gốc: 507.104.000 đồng

. Nợ lãi trong hạn: 185.442 đồng.

. Nợ lãi quá hạn: 145.497.903 đồng.

. Nợ lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả (phí phạt gốc): 137.266.900 đồng.

. Nợ lãi chậm trả trên nợ lãi chưa trả (phí phạt lãi): 32.628.569 đồng.

Tổng cộng là 822.682.814 đồng.

+ Nợ của Hợp đồng số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC

. Nợ gốc: 377.660.022 đồng

. Nợ lãi trong hạn: 141.676 đồng.

. Nợ lãi quá hạn: 107.202.675 đồng.

. Nợ lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả (phí phạt gốc): 97.780.988 đồng.

. Nợ lãi chậm trả trên nợ lãi chưa trả (phí phạt lãi): 23.460.403 đồng.

Tổng cộng là 606.245.764 đồng.

Tổng cộng nợ của cả hai hợp đồng là 1.428.928.578 đồng; trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TTVN còn có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017, kể từ ngày 14/8/2022 đến ngày trả dứt nợ.

5.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara VL, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-157.73) và xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara E, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-156.22):

Ngân hàng XXXX đề nghị giải quyết buộc Công ty TTVN trả nợ; trong trường hợp Công ty TTVN không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng XXXX có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp đảm bảo mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng XXXX thì Công ty TTVN phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả dứt nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy Công ty TTVN đã vay tiền của Ngân hàng XXXX để mua xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara VL, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-157.73) và xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara E, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-156.22) phục vụ đi lại và đã dùng các tài sản này để thế chấp bảo đảm khoản nợ vay theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 940/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 và số 942/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017. Việc thế chấp hai xe ô tô nêu trên là trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký thế chấp ngày 27/7/2017 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các tài sản thế chấp thì Ngân hàng XXXX đang lưu giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe; riêng hai chiếc xe thì do Công ty TTVN chịu trách nhiệm bảo quản, sử dụng nên Ngân hàng XXXX không biết hai chiếc xe trên hiện nay đang ở đâu; do đó, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Do bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án thụ lý, chuẩn bị xét xử và xét xử; quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có thông tin hay khiếu nại về việc tài sản đã chuyển giao cho người thứ ba; bản chính Giấy chứng nhận quyền đăng

ký xe ô tô do nguyên đơn đang giữ; việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara VL, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-157.73) và xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara E, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-156.22) để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TTVN vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

[6] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng bao gồm: Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vay cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn.

[7] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc Tòa án còn có một số khuyết điểm trong quá trình xử lý đơn và giải quyết vụ án là chậm duyệt đơn khởi kiện, chậm tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự, chậm đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ là 1.428.928.578 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng) và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 54.867.857 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX về việc buộc Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2022 là 1.428.928.578 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng); bao gồm nợ vốn gốc là 884.764.022 đồng, nợ lãi trong hạn là 327.118 đồng, nợ lãi quá hạn là 252.700.578 đồng, nợ lãi chậm trả trên nợ gốc chưa trả là 235.047.888 đồng, nợ lãi chậm trả trên nợ lãi chưa trả là 56.088.972 đồng; trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 939/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC và số 941/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara VL, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-157.73) và xe ô tô tải pick up cabin kép hiệu Nissan, số loại Navara E, 5 chỗ, màu trắng (biển số 51D-156.22), theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 940/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017 và số 942/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC ngày 27/7/2017.

Trường hợp sau khi xử lý, phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN thanh toán xong tất cả các khoản nợ phát sinh trước khi cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, cầm cố thì Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX có nghĩa vụ tiến hành ngay thủ tục giải chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ đã giữ của Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN liên quan

đến tài sản thế chấp; trừ trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN còn phải thực hiện nghĩa vụ khác đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 54.867.857 đồng (năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.252.840 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên Lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019611 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 ngày 29/11/2021.

3. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/8/2022 Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX thì lãi suất mà Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại TTVN phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần XXXX.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng

